

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày 26/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Huế và Ông Nguyễn Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh- Thư ký Tòa án huyện An Thi.

Đại diện Viện kiểm sát huyện A, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi, Tòa án nhân dân huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử lưu động, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 15/9/2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L sinh năm 1990.

Nơi sinh và nơi cư trú: thôn Xuân Nguyên, xã Xuân Trúc, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ: Không. Trình độ học vấn: 09/12

Họ tên cha: Nguyễn Văn N, sinh năm 1963.

Họ tên mẹ: Đoàn Thị L1, sinh năm 1973.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Vợ: Trần Thị L2, sinh năm 1986. Con: Chưa có.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 26/4/2021, bị Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong án phạt tù ngày 19/10/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/6/2023, chuyển tạm giam từ ngày 29/6/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A.

2. Họ và tên: Lê Xuân D sinh năm: 1973.

Nơi sinh và nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện A.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ: Không. Trình độ học vấn: 7/12.

Họ tên cha: Lê Cao T (Đã chết).

Họ tên mẹ: Hoàng Thị K (Đã chết).

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1978.

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 12/9/2018, bị Toà án nhân dân huyện Ân Thi xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/6/2023, chuyển tạm giam từ ngày 29/6/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ân.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972 *(Có mặt)*

Trú tại: thôn X, xã X, huyện Ân, tỉnh Hưng Yên.

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Cao Q, sinh năm 1965 *(vắng mặt)*

Trú tại: C, xã V, huyện Ân, tỉnh Hưng Yên

Bà Trần Thị L2, sinh năm 1986 *(vắng mặt)*

Trú tại: X, xã X, huyện Ân, Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và Lê Xuân D đều là người nghiện ma túy và có quen biết nhau. Khoảng 04 giờ ngày 23/6/2023, L và D rủ nhau đi mua ma túy để sử dụng, do Dự không có tiền nên tiền mua ma túy do L trả. Sau đó, L điều khiển xe mô tô biển số 33L9 - 9875 chở Dự ngồi sau đi đến khu vực ngã tư C thuộc địa phận xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Khi đến nơi, L dừng xe, đưa cho D số tiền 200.000 đồng để mua ma túy, D cầm tiền và đi bộ về hướng đi xã L, huyện Y được khoảng 20 m thì gặp một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, nhìn giống người nghiện ma túy nên D đi lại gần người này hỏi có ma túy bán không thì người này đồng ý. Dự đưa cho người này 200.000 đồng, người này cầm tiền bỏ đi khoảng 10 phút sau thì quay lại đưa cho D 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa chất màu trắng, dạng cục và bột. Dự biết là ma túy nên cầm ở tay trái rồi cùng L đi tìm nơi sử dụng số ma túy vừa mua được. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai đi đến khu vực Nghĩa trang T2, xã V, huyện Ân thì bị Tổ công tác của Công an huyện Ân và Công an xã V tuần tra đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn dừng xe kiểm tra hành chính, phát hiện tại bàn tay trái của D đang cầm 01 gói giấy màu trắng, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, D và L khai nhận đây là ma túy để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ: thu của Dự 01 gói giấy màu trắng, có kích thước (2,6 x 1,2)cm, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột,

được niêm phong trong bì thư ký hiệu I, thu của L 01 chiếc xe mô tô biển số 33L9 - 9875.

Tại biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 23/6/2023 đối với Nguyễn Văn L và Lê Xuân D, kết quả xét nghiệm: Dương tính

Kết luận giám định số 397/KL-KTHS (MT) ngày 23/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H, kết luận: Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi ký hiệu I, có khối lượng là 0,177g (Không phẩy một bảy bảy gam) là ma túy, loại Heroine (H), có tên khoa học là D1, được quy định tại Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. H1 lại sau giám định: 0,166g (Không phẩy một sáu sáu gam) ma túy, loại Heroine (H); 01 (Một) mảnh giấy màu trắng gói ma túy và 01 (Một) phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định trong phong bì niêm phong ghi số 397/KL - KTHS (MT).

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn L và Lê Xuân D đã thành khẩn khai nhận hành vi cất giấu trái phép chất ma túy của mình như đã nêu trên, lời khai nhận phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 33L9- 9875 đăng ký mang tên chủ xe là Lê Thị Ngọc N2 ở H, H, H nay là phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2016, Nguyễn Văn T1 sinh năm 1972 ở thôn X, xã X, huyện A mua của một gia đình ở H (nay là thành phố Hà Nội) với giá 6.500.000 đồng nhưng không viết giấy mua bán. Ngày 19/6/2023, anh T1 đã cho bị cáo L (là cháu ruột) mượn xe mô tô trên để L đi làm. Anh T1 không biết việc L sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Đối với 0,166g (Không phẩy một sáu sáu gam) ma túy, loại H2 (H), 01 mảnh giấy màu trắng và 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định do Phòng K1 Công an tỉnh H hoàn lại sau giám định; 01 chiếc xe mô tô biển số 33L9 - 9875 hiện được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi chờ xử lý.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo D nhưng do bị cáo D khai không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSAT ngày 15/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Luân, Lê Xuân D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số 32/CT-VKSAT ngày 15/9/2023; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 17; 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân D 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy với 0,166g (Không phải một sáu sáu gam) ma túy, loại H2 (H), 01 mảnh giấy màu trắng và 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định do Phòng K1 Công an tỉnh H hoàn lại sau giám định

Đối với chiếc xe máy chiếc xe mô tô biển số 33L9- 9875, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 33L9- 9875 đăng ký mang tên chủ xe là Lê Thị Ngọc N2 ở H, H, H nay là phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Khoảng năm 2016, Nguyễn Văn T1 sinh năm 1972 ở thôn X, xã X, huyện A mua của một gia đình ở H (nay là thành phố Hà Nội) với giá 6.500.000 đồng nhưng không viết giấy mua bán. Ngày 19/6/2023, anh T1 đã cho bị cáo L (là cháu ruột) mượn xe mô tô trên để L đi làm. Anh T1 không biết việc L sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do đó, chiếc xe không phải là vật chứng và không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại anh Nguyễn Văn T1 chiếc xe.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trước Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định của Phòng K1- Công an tỉnh H; phù hợp khách quan với lời khai của người làm chứng là ông Lê Cao Q và bà Trần Thị L2; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 23/6/2023, tại khu vực Nghĩa trang T2, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Văn L và Lê Xuân D đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,177g (Không phải một bầy bầy gam) ma túy, loại Heroine với mục đích sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Các bị cáo Nguyễn Văn L và Lê Xuân D đều đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Heroine là chất ma túy được nhà nước quản lý đặc biệt, hành vi tàng trữ trái phép 0,177gam ma túy loại Heroine để sử dụng của các bị cáo đã vi phạm pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự; Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo:

Thời gian gần đây các tội phạm về ma túy xảy ra ngày càng nhiều đặc biệt là các vụ án mua bán hay tàng trữ trái phép chất ma túy khối lượng rất lớn liên tiếp được phát hiện. Diễn biến các tội phạm về ma túy ngày càng có xu hướng phức tạp, gây mất an ninh chính trị tại địa phương và gây lo lắng trong quần chúng nhân dân, đó đó việc xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội về ma túy là việc làm cần thiết để răn đe, trấn áp cũng như phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Hành vi phạm tội của các bị cáo L và D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an và gây sự bất bình trong dư luận nhân dân tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo là người trưởng thành và trong độ tuổi lao động nhưng không tu chí làm ăn mà lại sa đà vào nghiện ma túy; Các bị cáo biết rất rõ tác hại của ma túy cũng như hậu quả và hệ lụy hết sức nặng nề của việc sử dụng chất ma túy để lại đối với trí lực, thể lực cũng như kinh tế của chính gia đình bản thân người nghiện và xã hội nhưng vẫn phạm tội. Vì vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, dành cho các bị cáo một hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm ma túy nói chung.

Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của mỗi bị cáo cũng như nhân thân của các bị cáo để xử phạt các bị cáo cho phù hợp. Vụ án này L và D đều cố ý thực hiện một hành vi phạm tội (tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng). Xét yếu tố đồng phạm trong vụ án chỉ là đồng phạm giản đơn. L và D đều là người nghiện, L, D

đều tự tiếp nhận ý chí thống nhất đi mua ma túy về sử dụng, L đưa tiền mua còn D là người đứng ra giao dịch mua ma túy; Khi mua cả hai đều cùng nhau đi mua ma túy. Trong vụ án bị cáo L khi thực hiện hành vi, là người chủ động, lấy xe trở D đi, địa điểm đi mua ma túy cũng là do L cầm lái và đi đến, tiền mua cũng do L bỏ ra; khi giao dịch mua ma túy L đứng để D giao dịch. Giữa L và D tuy không có bàn bạc phân công nhưng D chỉ là người đi cùng và thực hiện cùng. Do đó, HĐXX xét thấy đây chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn nhưng bị cáo L có vai trò tích cực và cao hơn bị cáo D; khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ cá thể hóa hình phạt đối với vai trò mỗi bị cáo cho tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:*

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Đối chiếu với các quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Tuy nhiên bản thân bị cáo D là người có nhân thân xấu, Ngày 12/9/2018, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng nay lại tiếp tục phạm tội cùng loại tội phạm chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật, cần xử lý bị cáo nghiêm khắc hơn để răn đe giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn L đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, ngày 26/4/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong án phạt tù ngày 19/10/2022. Do đó, nên bị cáo L bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: L và D là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. *Về xử lý vật chứng:*

Heroin là chất ma túy được Nhà nước quản lý đặc biệt và cấm các hành vi mua bán, trao đổi, tàng trữ...cũng như sử dụng. Do đó, tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy được hoàn trả lại mẫu vật sau giám định của Phòng K1- Công an tỉnh H.

Đối với chiếc xe mô tô biển số chiếc xe mô tô biển số 33L9- 9875 đăng ký mang tên chủ xe là Lê Thị Ngọc N2 ở H, H, H nay là phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra xác định Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 33L9- 9875 đăng ký mang tên chủ xe là chị N2. Khoảng năm 2016, Nguyễn Văn T1 sinh năm 1972 ở thôn X, xã X, huyện A mua của một gia đình ở

H (nay là thành phố Hà Nội) với giá 6.500.000 đồng nhưng không viết giấy mua bán. Ngày 19/6/2023, anh T1 đã cho bị cáo L (là cháu ruột) mượn xe mô tô trên để L đi làm. Anh T1 không biết việc L sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy. Kết quả tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng nên chiếc xe không phải là vật chứng và không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại anh Nguyễn Văn T1 chiếc xe.

[6]. Về án phí: các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

[7]. Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo D nhưng do bị cáo D khai không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau; Do đó HĐXX không có căn cứ để xử lý đối với người bán ma túy cho L và D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17; 58 Bộ luật hình sự; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn L và Lê Xuân D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L **02 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân D **01 năm 09 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2023

2 - Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 0,166g (Không phải một sáu sáu gam) ma túy, loại H2 (H), 01 mảnh giấy màu trắng và 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định được hoàn lại trong niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 397/KL-KTHS (MT) ngày 23/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H;

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T1 sinh năm 1972 ở thôn X, xã X, huyện A chiếc xe mô tô biển số 33L9- 9875.

(*Đặc điểm chi tiết các vật chứng được thể hiện theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKSAT ngày 15/9/2023 của VKS huyện A1, tỉnh Hưng Yên và được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2023*).

3- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Văn L và Lê Xuân D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Cq CSĐT- CA huyện Ân Thi;
- Nhà tạm giữ- CA huyện Ân Thi;
- Cq THAHS-CA huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục